

**CÔNG TY CỔ PHẦN HATONI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HATONI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM HATONI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HATONI VN.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107388089

**3. Ngày thành lập:** 06/04/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, ngõ 322/76, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0939248686

Fax: *phuhung1183@gmail.com*

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5510     |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sử vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cắt chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663     |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Bán buôn hóa chất khác ( trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4100 |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4210 |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4220 |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời                    | 4290 |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                                                                                                              | 4329 |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 14. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641 |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.                             | 4649 |

|     |                                                                                                                                                                                       |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)       | 4659                                                         |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                   | 4931                                                         |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định                                                                                 | 4932                                                         |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                        | 4933                                                         |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                             | 8299                                                         |
| 21. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Dịch vụ quảng cáo, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn giá đất, môi giới, định giá bất động sản) | 6820                                                         |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Hoạt động trang trí nội thất ( không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)                                                                         | 7410(Chính)                                                  |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                | 7710                                                         |
| 24. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                        | 7911                                                         |
| 25. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                 | 7912                                                         |
| 26. | Đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định của Pháp luật                                                                | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 4.950.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 49.500

#### 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN TẠO | Số 164 Giải Phóng, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 2.475      | 247.500.000           | 5,000     | 162267173                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 2.475      | 247.500.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                    |                   |        |               |        |           |  |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | HÀ PHÚ HUNG      | Số 369, ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 25.740 | 2.574.000.000 | 52,000 | 012461509 |  |
|   |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 25.740 | 2.574.000.000 | 52,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                                    |                   |        |               |        |           |  |
| 3 | TRẦN THỊ PHƯỢNG  | Số 369, ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 18.810 | 1.881.000.000 | 38,000 | 013066672 |  |
|   |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 18.810 | 1.881.000.000 | 38,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                                    |                   |        |               |        |           |  |
| 4 | NGUYỄN THỊ THUỘC | Số 164 Giải Phóng, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 2.475  | 247.500.000   | 5,000  | 160462218 |  |
|   |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 2.475  | 247.500.000   | 5,000  |           |  |
|   |                  |                                                                                                    |                   |        |               |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ PHÚ HƯNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012461509

Ngày cấp: 03/09/2009 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 369, ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 369, ngõ Quỳnh, phố Thanh Nhân, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội